

Số: 1048 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả chỉ số và xếp hạng công tác cải cách hành chính các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tỉnh Nghệ An năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng công tác Cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

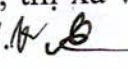
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 72/TTr-SNV ngày 11/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ số và xếp hạng công tác Cải cách hành chính các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tỉnh Nghệ An năm 2022 tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ kết quả chỉ số và xếp hạng công tác cải cách hành chính năm 2022, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã có giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Công an tỉnh, BHXH tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế, Cục Hải quan;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trung

Phụ lục 01a

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỤC ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH - NĂM 2022**

TT	Đơn vị	Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp	Xếp hạng	Ghi chú
1	Công an tỉnh	98,50	98,50	1	Chỉ số do ngành dục công bố
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	92,05	92,05	2	
3	Cục Thuế tỉnh	92,00	92,00	3	
4	Kho bạc nhà nước tỉnh	89,56	89,56	4	
5	Cục Hải quan tỉnh	87,63	87,63	5	

Phụ lục 01b

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH - NĂM 2022**

TT	Đơn vị	Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp	Xếp hạng
1	Sở Tài chính	91,71	91,71	1
2	Văn phòng UBND tỉnh	91,50	91,50	2
3	Sở Nội vụ	91,23	91,23	3
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	90,41	90,41	4
5	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	90,38	90,38	5
6	Sở Giao thông Vận tải	89,79	89,79	6
7	Sở Thông tin và Truyền thông	89,72	89,72	7
8	Sở Du lịch	89,58	89,58	8
9	Sở Văn hoá và Thể thao	89,57	89,57	9
10	Sở Khoa học và Công nghệ	89,46	89,46	10
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	89,45	89,45	11
12	Thanh tra tỉnh	89,41	89,41	12
13	Sở Ngoại vụ	89,38	89,38	13
14	Sở Công Thương	88,92	88,92	14
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88,91	88,91	15
16	Sở Y tế	88,87	88,87	16
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	88,86	88,86	17
18	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	88,85	88,85	18
19	Sở Tư pháp	87,41	87,41	19
20	Ban Dân tộc	87,15	87,15	20
21	Sở Xây dựng	85,43	85,43	21

18

Phụ lục 02

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ VÀ XẾP HẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ - NĂM 2022**

TT	Đơn vị	Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp	Xếp hạng
1	Thành phố Vinh	84,75	84,75	1
2	Huyện Diễn Châu	84,41	84,41	2
3	Huyện Nghi Lộc	84,39	84,39	3
4	Huyện Quỳnh Lưu	83,30	83,30	4
5	Thị xã Hoàng Mai	83,29	83,29	5
6	Huyện Nghĩa Đàn	82,93	82,93	6
7	Huyện Yên Thành	82,23	82,23	7
8	Huyện Đô Lương	82,17	82,17	8
9	Thị xã Thái Hòa	82,13	82,13	9
10	Huyện Quế Phong	82,06	82,06	10
11	Huyện Nam Đàn	82,01	82,01	11
12	Huyện Thanh Chương	81,66	81,66	12
13	Thị xã Cửa Lò	80,94	80,94	13
14	Huyện Tân Kỳ	80,92	80,92	14
15	Huyện Hưng Nguyên	80,91	80,91	15
16	Huyện Con Cuông	80,79	80,79	16
17	Huyện Anh Sơn	80,78	80,78	17
18	Huyện Kỳ Sơn	80,49	80,49	18
19	Huyện Quỳnh Hợp	80,46	80,46	19
20	Huyện Quỳnh Châu	79,29	79,29	20
21	Huyện Tương Dương	75,59	75,59	21